

NGHỆ THUẬT HƯ CẤU LỜI GIÁN TIẾP TRONG TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI (Khảo sát tác phẩm của Hoàng Quốc Hải, Nguyễn Xuân Khánh, Nguyễn Quang Thân, Nguyễn Mộng Giác)

ĐOÀN THỊ HUỆ*

Nhắc đến thành công của tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại không thể không nhắc đến vai trò của nhà văn trong nghệ thuật hư cấu nhiều dạng lời khác nhau trong tác phẩm, đặc biệt ở phần lời văn gián tiếp. Đây là toàn bộ phần lời của tác giả, của người kể chuyện có chức năng trình bày toàn bộ thế giới hình tượng, kể cả các yếu tố nội dung, hình thức của lời nhân vật cho người đọc hiểu rõ. Bài viết bước đầu nghiên cứu tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại ở phương diện nghệ thuật hư cấu lời gián tiếp qua lời gián tiếp một giọng và lời gián tiếp hai giọng. Từ đó bài viết góp phần làm rõ những đặc trưng làm nên thành công của tiểu thuyết lịch sử Việt Nam trong giai đoạn hội nhập.

Từ khóa: nghệ thuật trần thuật, hư cấu, lời gián tiếp, tiểu thuyết lịch sử

Nhận bài ngày: 30/9/2019; *đưa vào biên tập:* 8/10/2019; *phản biện:* 26/10/2019; *duyet đăng:* 15/3/2020

1. GIỚI THIỆU

Trong *Sự đan cài các lớp ngôn ngữ trong tiểu thuyết lịch sử sau 1975*, Ngô Thị Quỳnh Nga đã đánh giá cao nghệ thuật hư cấu lời văn trần thuật của tiểu thuyết lịch sử Việt Nam sau năm 1975: “Sự kết hợp đa dạng các hình thức ngôn ngữ đã đem lại sự

khởi sắc cho tiểu thuyết lịch sử sau 1975. Sự đổi mới trong ngôn ngữ tiểu thuyết lịch sử sau 1975 gắn với nhu cầu dân chủ hóa về ngôn ngữ, về nghệ thuật, nhu cầu bình đẳng, khách quan với lịch sử. Sự đổi mới này cho thấy các nhà văn sau 1975 đã không ngừng bứt phá làm mới mình, mạnh dạn thử nghiệm những hướng đi mới” (Ngô Thị Quỳnh Nga, 2010). Xét trên phương diện hư cấu nghệ thuật, sự

* Trường Đại học Đồng Nai.

kết hợp đa dạng các hình thức ngôn ngữ này là sự kết hợp đan cài hiệu quả giữa nghệ thuật hư cấu lời trực tiếp và lời gián tiếp trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại. Đặc biệt khi gia tăng nghệ thuật hư cấu lời gián tiếp, các nhà văn đã góp phần làm sinh động hóa bức tranh chung của tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đầu thế kỷ XXI. Với nghệ thuật hư cấu lời gián tiếp hai giọng xuất hiện đan xen giữa cốt truyện, nhà văn đã trực tiếp bày tỏ suy nghĩ, quan điểm của mình trước các vấn đề, sự kiện lịch sử đã qua. Dụng công nhiều trong nghệ thuật hư cấu các lớp lời gián tiếp vừa hỗ trợ/đối kháng nhau vừa dung chứa/tiêu trừ nhau, các nhà văn tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại đã gạt hái được những thành tựu nhất định khi kiến tạo thành công môi trường đối thoại đa chiều, công khai, dân chủ cho câu chuyện kể. Điều này đánh dấu sự đổi mới đột phá trong tư duy tự sự tiểu thuyết, xác lập nên nguyên tắc mới cho tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại ở nhu cầu luận giải quá khứ, suy tư về lịch sử dân tộc từ một góc nhìn rất sâu về lịch sử và những liên hệ rất mới về mối quan hệ giữa lịch sử với dân tộc.

2. MỘT SỐ KHÁI NIỆM

Trong *150 thuật ngữ văn học*, thuật ngữ “hư cấu nghệ thuật” được Lại Nguyên Ân (2004: 164) định nghĩa như sau: “Hư cấu nghệ thuật là một hoạt động đặc thù của sáng tạo nghệ thuật, trợ giúp cho việc dựng nên những dạng thức tồn tại có thể có và

nói chung trợ giúp cho ý niệm về những gì có thể và cần phải có. Cái đặc tính năng sản của hư cấu được dựa trên cơ sở của tưởng tượng, là cái đảm bảo cho các việc tổ hợp, khái quát, tổng hợp trong quá trình hoạt động nghệ thuật”. Trong *Từ điển văn học (bộ mới)*, ở mục từ, do Nguyễn Xuân Nam viết, hư cấu nghệ thuật trong sáng tác văn học được xem xét trên phương diện giá trị đóng góp: “Giá trị của hư cấu tùy thuộc vào vốn hiểu biết, trình độ nhận thức cuộc sống, lý tưởng thẩm mỹ và tài năng nghệ thuật của nhà văn... Tùy theo thể loại văn học, tùy theo phương pháp sáng tác khác nhau, quá trình hư cấu diễn ra khác nhau và mang những sắc thái khác nhau” (Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá, 2004: 59). Từ đây có thể hiểu, hư cấu là thủ pháp nghệ thuật đặc thù của hoạt động sáng tác văn chương. Mỗi nhà văn tùy theo trí tưởng tượng và tài năng sáng tạo nghệ thuật sẽ sử dụng hư cấu như phương thức nghệ thuật hiệu quả nhằm sáng tạo ra những giá trị mới, những yếu tố mới (như sự kiện, cảnh vật, nhân vật trong tác phẩm) nhằm làm nổi bật quy luật và bản chất cuộc sống. Trong chừng mực nhất định, hư cấu nghệ thuật vừa là đặc trưng thể loại vừa là thao tác nghệ thuật không thể thiếu trong tư duy sáng tạo tiểu thuyết. Từ vô vàn những gương mặt thật của cuộc sống đời thường và giữa muôn vàn các biến cố lịch sử trọng đại, thông qua việc thực hiện các biện pháp nghệ thuật đồng hóa và tái hiện

bức tranh đời sống, bằng phương thức chọn lọc, tổng hợp, tái tạo, nhà văn hư cấu, sáng tạo nên tác phẩm văn học. Khi đó, hư cấu nghệ thuật trở thành yếu tố bộc lộ rõ nét năng lực sáng tạo dồi dào của nhà văn.

Cùng với đó, ở tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại, lời kể là kiểu lời trần thuật chiếm số lượng lớn, có vai trò quan trọng giúp người kể chuyện tổ chức cấu trúc truyện kể. Nội dung truyện kể về cơ bản được hoàn chỉnh dần theo mạch trần thuật của người kể chuyện. Thông thường lời kể được thực hiện dưới dạng lời gián tiếp một giọng của người kể chuyện ngôi ba và người kể chuyện ngôi thứ nhất xưng “tôi”. Trong *Lý luận văn học*, tập thể tác giả đã thống nhất cho rằng: “Lời gián tiếp là toàn bộ phần lời văn của tác giả, của người trần thuật, hoặc người kể chuyện có chức năng trình bày toàn bộ thế giới hình tượng, kể cả các yếu tố nội dung, hình thức của lời nhân vật cho người đọc” (Phương Lưu và nhiều tác giả, 2002: 335). Lời gián tiếp bao gồm hai dạng: lời gián tiếp một giọng và lời gián tiếp hai giọng (còn gọi là lời nửa trực tiếp).

3. TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI VỚI NGHỆ THUẬT HƯ CẤU LỜI GIÁN TIẾP

3.1. Nghệ thuật hư cấu lời gián tiếp một giọng/lời kể, tả

Bằng nghệ thuật hư cấu lời kể, các nhà văn đã thuật kể nhiều câu chuyện có liên quan đến cuộc đời, số phận của nhiều nhân vật lịch sử ở vào thời

kỳ lịch sử trọng đại. *Tám triều vua Lý* và *Bão táp triều Trần* (Hoàng Quốc Hải) là câu chuyện lịch sử về công cuộc gầy dựng - hưng thịnh - suy vong của hai triều đại Lý - Trần. *Hồ Quý Ly* (Nguyễn Xuân Khánh) tái hiện sinh động bức tranh hiện thực lịch sử - văn hóa - xã hội của đất nước Đại Việt những năm cuối Trần đầu Hồ. *Sông Côn mùa lũ* (Nguyễn Mộng Giác) làm sống dậy trước mắt người đọc chân dung đời sống xã hội Việt Nam thời Trịnh tàn Lê mạt, Trịnh - Nguyễn phân tranh, Tây Sơn khởi nghĩa. *Hội thề* (Nguyễn Quang Thân) là lát cắt ngang hiện thực xã hội Việt Nam trong khoảng bảy ngày trước và sau trận Xương Giang lịch sử giữa nghĩa quân Lam Sơn và giặc Minh xâm lược.

Cùng với đó, nghệ thuật hư cấu lời tả của người kể ngôi ba cũng xuất hiện khá phổ biến trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại. Nghệ thuật hư cấu lời tả thường hướng đến nhiều đối tượng, tái hiện chân thật, đầy đủ, sinh động bức tranh hiện thực đời sống và con người Việt Nam trong quá khứ. Với lời tả, nhà văn khắc họa rõ nét chân dung nhiều nhân vật lịch sử như Lý Công Uẩn, Trần Thủ Độ, Huyền Trân công chúa (*Bão táp triều Trần* - Hoàng Quốc Hải), Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ (*Sông Côn mùa lũ* - Nguyễn Mộng Giác), Hồ Quý Ly, Nghệ Hoàng, Thuận Tông (*Hồ Quý Ly* - Nguyễn Xuân Khánh), Lê Lợi, Nguyễn Trãi (*Hội thề* - Nguyễn Quang Thân)... Với hệ thống ngôn ngữ giàu hình ảnh,

nghệ thuật hư cấu lời tả trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại gợi mở trước mắt người đọc nhiều lớp không gian đa dạng làm bối cảnh xuất hiện nhiều nhân vật và sự kiện lịch sử quan trọng. Đó là quang cảnh ngày lên ngôi u ám, buồn tẻ của nữ chúa Lý Chiêu Hoàng như điềm báo về hồi kết u buồn của triều đại nhà Lý: “Thăng Long vào hội mừng đức vua đăng quang. (...) Phường phố vắng ngắt không một bóng người lại qua. Chỉ thỉnh thoảng có một tốp lính tứ sương vác giáo đi tuần lạng lẽ như những bóng ma” (Hoàng Quốc Hải, 2011: 27). Đó là khung cảnh chiến trận khốc liệt, bi hùng của quân dân Đại Việt trong cuộc chiến chống Nguyên Mông: “Máu người, máu ngựa chảy thành dòng lênh láng trên mặt đất. (...) Lại ầm ầm trong đó tiếng ngựa hí dài, tiếng hò la, thét lác, tiếng rống như bò bị chọc tiết của những tên Mông Cổ trúng lao” (Hoàng Quốc Hải, 2011: 402). Với nghệ thuật hư cấu lời tả chân thực, sắc nét, nhà văn đã viết nên nhiều đoạn văn đậm tính sử thi, đầy áp sự kiện và cũng thật thơ mộng: “Dòng sông như một dải lụa xanh bất tận, chia thung lũng làm hai phần. Rực rỡ nhất là hai bờ, hoa lốm đốm đủ màu, nôm có vẻ như hai bờ của một dải sông Ngân” (Hoàng Quốc Hải, 2011: 278).

Điểm đặc sắc của tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại là sự kết hợp hiệu quả nghệ thuật hư cấu lời kể, lời tả và lời trữ tình ngoại đề đem đến lượng thông tin phong phú, thú vị về

cuộc đời, tài năng, tính cách, thói quen, lối sống của nhiều nhân vật có thật trong lịch sử. Khi đề cập đến nhân vật lịch sử, chính sử chỉ truyền lưu những nét chính về cuộc đời, sự nghiệp, công trạng của họ. Với tiểu thuyết lịch sử, thông qua và bằng nghệ thuật hư cấu lời kể, lời tả, nhà văn còn cung cấp cho bạn đọc nhiều thông tin thú vị về các vĩ nhân. Thái sư đầu triều Trần Thủ Độ thích ăn khoai lang luộc và cháo lươn; Quốc công tiết chế thống lĩnh chư quân sự Trần Quốc Tuấn thích món cơm nếp mỗi độ thu về, An Tư công chúa thích cưỡi ngựa, bắn cung, luyện võ; Huyền Trân công chúa thích đọc binh thư, Trần Nguyên Hãn ăn uống rất cầu kỳ, Nguyễn Trãi bình dị, “ăn gì cũng được”, Lê Lợi thích được gãi lưng, tắm quất, Nguyên phi Ỗ Lan sợ ma quỷ và sùng đạo Phật... Ở nhiều trường hợp, nghệ thuật hư cấu lời gián tiếp một giọng đã giúp nhà văn phác họa chân dung nhân vật lịch sử đầy đặn, sống động, gần gũi. Sự hiểu biết của người đọc về các nhân vật ấy cũng trở nên sâu sắc, thú vị.

Sự kết hợp hiệu quả giữa nghệ thuật hư cấu lời kể với lời tả đã khẳng định năng lực quan sát tinh tế, trí tưởng tượng phong phú, vốn kiến thức sâu rộng về văn học lịch sử của các nhà văn Việt Nam. Viết tiểu thuyết lịch sử, họ cung cấp cho người đọc nhiều kiến thức bổ ích về hiện thực đời sống của con người Việt Nam trong quá khứ. Xét đến cùng thì, lịch sử dưới cái nhìn nghệ thuật của tập thể tác giả tiểu

thuyết lịch sử Việt Nam đương đại là một lịch sử năng động, gắn với “quá trình chưa hoàn tất” và “đang được cấu tạo lại với sự xuất hiện của các tiểu lịch sử. Tại đây lịch sử được hình dung như mảnh vỡ...” (Nguyễn Đăng Điệp, 2012: 5).

Song hành cùng nghệ thuật hư cấu lời gián tiếp một giọng của người kể chuyện ngôi ba, ở tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại xuất hiện khá nhiều nghệ thuật hư cấu lời gián tiếp một giọng của người kể chuyện xưng “tôi” ngôi thứ nhất với điểm nhìn hướng nội, hiện diện như lời tâm sự, lời bộc bạch nỗi lòng của người trong cuộc. Trong *Hồ Quý Ly* (Nguyễn Xuân Khánh), nhà văn hư cấu nhân vật người kể chuyện xưng “tôi” là Trần Nguyên Hàng: “Tôi nghĩ: bọn loạn thần tặc tử ai cũng có thể giết được. Đó là vâng mệnh trời. Việc đó ta không thể một ngày làm xong” (Nguyễn Xuân Khánh, 2010: 446). Có lúc nhà văn hư cấu thành lời của Trần Khát Chân: “Tôi lại đành gượng gạo ép mình vào việc, định nâng chén tiêu sầu mà càng sầu thêm” (Nguyễn Xuân Khánh, 2010: 449). Có lúc, đó lại là lời của Hồ Nguyên Trừng tự kể chuyện mình: “Tôi tên là Nguyên Trừng, hay nói cho đúng hơn là Hồ Nguyên Trừng” (Nguyễn Xuân Khánh, 2010: 51), kể về Hồ Quý Ly: “*Cha tôi, Lê Quý Ly là cháu bốn đời của cụ Hồ Liêm*” (Nguyễn Xuân Khánh, 2010: 51), và về những người xung quanh cùng diễn biến thời cuộc: “Tôi nhìn ra xung quanh rồi tự ngấm mình. Cuộc sống

triều đình hầu như lúc nào cũng trang nghiêm, lễ độ, nhiều lúc quá vui vẻ, thậm chí như hí hửng, nó làm cho tôi chán phèo thờ dài” (Nguyễn Xuân Khánh, 2010: 56). Đây là lời trực tiếp của người kể chuyện đồng thời cũng là lời của nhân vật xưng “tôi”. Cái “tôi” ấy cũng là người kể chuyện nên lời trực tiếp trở thành lời gián tiếp. Là lời gián tiếp nên nó có sức thuyết phục riêng, mang màu sắc cá tính, chủ thể rõ nét. Như thế, người kể chuyện đã có sự chuyển ngôi linh hoạt. Khi là lời của nhân vật, lúc lại là lời của tác giả. Sự thay đổi ngôi kể tạo điều kiện cho nhân vật tự ý thức về mình, về sứ mệnh, trách nhiệm của họ trước lịch sử. Điểm nhìn nội quan gắn liền hình thức tự quan sát của nhân vật xưng “tôi”, cùng sự tự thú và hình thức người kể chuyện tựa vào giác quan, đi sâu khám phá, lý giải chiều sâu tâm lý nhân vật, tạo nên sức hấp dẫn riêng cho trang tiểu thuyết. Ở *Hồ Quý Ly*, Nguyễn Xuân Khánh để toàn bộ câu chuyện lịch sử về xã hội Việt Nam thời cuối Trần đầu Hồ hiện lên sinh động với nhiều sự kiện, con người mang số phận cụ thể. Đi cùng sự kiện/xung đột lịch sử phức tạp là chuỗi diễn biến đời sống nội tâm phong phú, đa dạng của nhân vật lịch sử. Hơn nữa, trong vai trò người kể chuyện chính, nhân vật xưng “tôi” có nhiều lợi thế để hướng người đọc dịch chuyển dần về phía chủ đề chính của tác phẩm (trong khi chủ đề phụ vẫn được quan tâm). Điều này tạo nên sự chờ đợi, háo hức cho bạn đọc khi tiếp nhận tác phẩm.

3.2. Nghệ thuật hư cấu lời gián tiếp hai giọng/lời nửa trực tiếp

Ưa chuộng hình thức trần thuật chủ quan hóa, tìm vào khám phá chiều sâu những ẩn ức thiên về đời sống nội tâm của nhân vật, tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại dành nhiều ưu ái cho nghệ thuật hư cấu lời gián tiếp hai giọng biểu hiện cụ thể dưới hình thức lời nửa trực tiếp. Nghệ thuật hư cấu lời văn này “gián tiếp” ở cách kể chuyện nhưng “trực tiếp” trong ý thức, ngữ điệu và cảm xúc của nhân vật. Nếu nghệ thuật hư cấu lời gián tiếp một giọng là lời kể, lời tả có nhiệm vụ tái hiện, phân tích, lý giải thế giới khách quan, sự việc, con người cũng như tái hiện, phân tích, lý giải lời nói, ý thức nhân vật thì nghệ thuật hư cấu lời gián tiếp hai giọng là lời kể có hấp thu lời nhân vật. Tức là trong lời của người kể chuyện cùng lúc có cả lời trực tiếp hoặc lời gián tiếp biểu hiện suy nghĩ của nhân vật. Trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại, nghệ thuật hư cấu lời gián tiếp hai giọng thể hiện rõ sự đối thoại với ý thức khác của cùng đối tượng miêu tả. Việc hư cấu lời văn này cho phép tác giả chuyển di linh hoạt điểm nhìn trần thuật (từ khách quan sang nội quan), tạo tính đa thanh phức điệu, đa chủ đề cho tác phẩm.

Trong *Hội thề*, Nguyễn Quang Thân sử dụng khá nhiều nghệ thuật hư cấu lời gián tiếp hai giọng là lời nửa trực tiếp, khắc họa đời sống tinh thần, tái hiện rõ nét *con người bên trong* nhân vật lịch sử. Đây là đoạn văn ghi lại

tâm trạng của Thị Lộ: “Đã bao lần nàng tự hỏi hay là mình đòi hỏi chồng quá quắt trong hoàn cảnh chinh chiến, ông ấy còn gánh vác trách nhiệm Thái Sơn của nghĩa quân, giặc Minh còn giày xéo đất Đại Việt, nàng được thế này cũng đã quá sung sướng, lễ giáo và quân pháp ưu ái cho riêng nàng đã gây ra tị hiềm mà chồng nàng phải chịu đựng trong ảm ức. Nàng điếm lại rất nhanh trong ký ức nhiều năm qua, từ ngày nàng gặp chàng văn nhân mảnh khảnh trong một buổi chợ ở Nghi Tàm” (Nguyễn Quang Thân, 2011: 39). Đặc tả tâm trạng nhân vật Tư Tề khi phải vâng lệnh vua cha vào thành Đông Quan làm con tin trước ngày diễn ra hội thề lịch sử, Nguyễn Quang Thân sử dụng nghệ thuật hư cấu lời gián tiếp hai giọng: “*Chàng không ngán vào thành làm con tin nhưng chàng buồn vì từ đây phải rời xa vệ quân tinh nhuệ của chàng, chàng đã cùng họ vào sinh ra tử bao năm, biết bao giờ mới trở lại? Chàng chợt nghĩ tới Phạm Ván khi vua cha nhắc tới Nguyên Long. Phải chăng cái ông cậu quý hóa ấy đã sắp đặt để bây giờ chàng là ông thiếu úy duy nhất không còn một tác sát, một móng lính? Cả lũ họ Phạm ấy đang nhe răng giữa vuốt vớ chàng mà chàng có tội gì cơ chứ ngoài việc là con trai của chúa công yêu quý của họ?*” (Nguyễn Quang Thân, 2011: 301).

Bức tranh tâm trạng nhân vật được dệt nên từ nhiều cung bậc tình cảm, cảm xúc. Mỗi nhân vật có tâm trạng, nỗi niềm tâm sự riêng. Tất cả được

nhà văn tái hiện bằng lời gián tiếp hai giọng/lời nửa trực tiếp - trực tiếp bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật. Đó là tâm trạng của Thị Lộ khi đứng trước sự lựa chọn giữa nỗi khao khát thường tình, nhu cầu được hưởng hạnh phúc chính đáng của người vợ với sự khắc kỷ cần có của mỗi cá nhân trong hoàn cảnh đất nước có biến. Câu văn trên về hình thức là lời gián tiếp của người kể chuyện nhưng trực tiếp ở phương thức thể hiện tâm trạng của nhân vật nên được gọi là lời nửa trực tiếp. Nỗi ưu tư canh cánh trong lòng cùng sự yêu thương, thấu hiểu của Thị Lộ dành cho chồng cũng hiển lộ rõ nét. Cũng như thế, nỗi buồn của Tư Tề khi phải rời xa vệ quân tinh nhuệ của mình cũng được lột tả: “Biết bao giờ mới trở lại?”. Giọng văn nao nao buồn thể hiện niềm dự cảm bất an của Tư Tề trước sự đề phòng, đố kỵ của Phạm Vấn.

Như vậy, với nghệ thuật hư cấu lời gián tiếp hai giọng/lời nửa trực tiếp, Nguyễn Quang Thân vừa miêu tả, thuật kể vừa đi sâu miêu tả thế giới bên trong nhân vật dưới sự phân tích khách quan của người kể chuyện. Điểm nhìn trần thuật linh hoạt di chuyển tìm vào cảm giác và ý thức nhân vật lịch sử. Đa dạng hóa điểm nhìn trần thuật là biểu hiện cụ thể của phương thức trần thuật tiểu thuyết hiện đại và hậu hiện đại.

Đến với *Hồ Quý Ly* (Nguyễn Xuân Khánh), người đọc dễ nhận ra nhiều sự kiện lịch sử đã được thực tại hóa trong cảm xúc nhân vật, được diễn

đạt dưới hình thức lời nửa trực tiếp: “Đôi môi khô héo của ông không khỏi nhếch một nụ cười chua chát. (...). Nhân từ ư? Thương dân ư? Những đức hạnh tốt đẹp đó thử hỏi trên đời này có ông vua nào hơn được cha con ông? Thế mà tại sao, tại sao nước Đại Việt này vẫn đói khát, loạn lạc; tại sao cơ đồ của tổ tiên ông lại ngã nghiêng” (Nguyễn Xuân Khánh, 2010: 158-159). Người kể chuyện hay đúng hơn là nhà văn đã hư cấu lời kể chuyện xen lẫn lời trực tiếp bộc lộ tâm trạng, khiến cảm xúc nhân vật được truyền thẳng đến bạn đọc. Đó là cảm giác ăn năn hối lỗi gần như bất lực của ông vua già Nghệ Tông ở vào giây phút cuối đời. Ngẫm lại, hơn ba mươi năm ở ngôi, ông chưa làm được điều gì để chấn hưng đất nước. Trái lại, ông chỉ được hưởng ba năm thái bình. Sau đó, đất nước loạn lạc, chiến tranh liên miên, người dân đói khổ. Ông lúng túng không tìm ra hướng đi cho lịch sử. Đến tận giây phút cuối đời, ông tự dằn vặt bản thân và nghĩ rằng vì ông mà cơ nghiệp nhà Trần bị hủy. Lời văn bộc lộ trực tiếp cảm xúc nhân vật khiến người đọc hiểu rõ hơn bi kịch cười ra nước mắt của vị vua cuối nhà Trần.

Ở đoạn khác, Nguyễn Xuân Khánh sử dụng nghệ thuật hư cấu lời nửa trực tiếp đặc tả bi kịch người trí thức trong hoàn cảnh loạn li: “Ông là người viết sử, người chiêm bốc. Toàn những chuyện đùa chơi với lửa cả. (...) Ta run sợ khi nghĩ đến điều đó, bởi chữ nghĩa có thể đảo điên biến ác thành

thiện hay thiện chuyển sang ác”. (Nguyễn Xuân Khánh, 2010: 42). Hư cầu lời nửa trực tiếp, đi sâu khắc họa đời sống nội tâm nhân vật Sử Văn Hoa, Nguyễn Xuân Khánh trực tiếp đặt ra vấn đề trước lịch sử: Người trí thức, họ là ai? Họ đại diện cho cái gì, cho giai cấp nào trong xã hội? Trước hết phải thừa nhận: người trí thức không là công cụ thực thi quyền lực của một triều đại hay giai cấp nào. Họ là động lực thúc đẩy xã hội phát triển. Khát vọng của họ là phục vụ chân lý. Nhưng ở vào thời cuộc “thiên túy”, chân lý không thuộc về ai nên họ bế tắc. Hồ Quý Ly muốn dùng trí thức để cai trị xã hội là điều hợp lý. Nhưng vì không hiểu họ nên ông dùng quyền lực áp đặt. Thái độ bất hợp tác của Trần Nguyên Đán, sự ra đi của Phạm Sinh, Chu Văn An, sự chống đối của Sử Văn Hoa... là kết quả tất yếu. Nghệ thuật hư cầu lời nửa trực tiếp trong trường hợp này có tác dụng bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc nhân vật về sự dấn thân của người trí thức trong sứ mệnh bảo vệ tính chân thật, khách quan của lịch sử. Qua đó, tập thể tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại cũng đã ngầm xác tín với bạn đọc rằng: *sự thật lịch sử* hay nói khác là *sự chân thực cần có ở tiểu thuyết lịch sử* là sự chân thành và trung thực của nhà văn trong việc giải mã lịch sử. Sự chân thực đó phải gắn với thước đo giá trị về sự chân thực trong cuộc sống. Đảm bảo được điều này, tiểu thuyết lịch sử sẽ hấp dẫn được bạn đọc. Như thế, người đọc mới có thể qua tiểu thuyết lịch sử minh định được

nhiều giá trị cuộc sống còn náu mình trong kho tàng lịch sử văn hóa dân tộc.

Trong *Sông Côn mùa lũ*, nghệ thuật hư cầu lời nửa trực tiếp được Nguyễn Mộng Giác ưu ái sử dụng ở những tiết đoạn đặc tả tâm tư, suy nghĩ bên trong nhân vật, đặc biệt là các nhân vật chính/nhân vật trung tâm của tác phẩm. Trước quyết định tiến quân ra Bắc diệt Trịnh phò Lê, lòng Nguyễn Huệ ngổn ngang bao suy tính trù liệu: “Không! Không! Ông không thể dừng lại làm một quan Trấn thủ thu mình tận hưởng tuổi đời trong cái thành cũ ven con sông Hương trầm lặng này! (...) Không! Không thể như thế được! Hoặc ông ngồi vững trên lưng ngựa giông cương cho lịch sử đưa xa về phía trước, cho đúng với ước nguyện của mọi người. Hoặc ông mù quáng kìm cương để con ngựa lịch sử hất ông xuống bùn và dày lên mà tiến?” (Nguyễn Mộng Giác, 2003: 946-947). Về mặt hình thức, đây là lời gián tiếp một giọng của người kể chuyện ngôi ba nhưng thực chất tiết đoạn trên là lời đặc tả trực tiếp tâm trạng, suy nghĩ của Nguyễn Huệ trước quyết định hệ trọng: hoặc vững bước tiến lên thuận theo đà quay của lịch sử hoặc sớm an phận, chấp nhận cương vị vị tướng miền biên viễn theo sự sắp đặt của vua anh. Từ đó, Nguyễn Mộng Giác giúp người đọc hiểu rõ hơn quá trình vận động, sự tự ý thức của Nguyễn Huệ trước quyết định táo bạo làm thay đổi cục diện lịch sử. Từ bấy lâu, trong tâm hồn ông luôn nung nấu ngọn lửa khát khao đấu tranh thống nhất đất

nước. Ngọn lửa ấy được thắp lên từ quá trình nhận thức, suy tư, chiêm nghiệm của nhân vật về thời đại, bản thân, về vận mệnh quê hương, xứ sở. Gặp gió thời đại, nó nhanh chóng lớn mạnh thành bó đuốc rực cháy, soi đường dẫn lối cho vạn người cùng tiến bước.

4. KẾT LUẬN

Không giấu nhại hay hoài nghi, phủ nhận bản chất lịch sử, sức hấp dẫn của nghệ thuật hư cấu lời văn trần thuật gián tiếp trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại chủ yếu tựu trung ở tính đối thoại. Nguyên lý đối thoại là nguyên lý cơ bản của tiểu thuyết hiện đại. Tính đối thoại trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại cho thấy xu thế tiểu thuyết hóa đang là xu thế nổi bật của văn học Việt Nam giai đoạn sau Đổi mới. Nó ảnh hưởng đến nghệ thuật xây dựng nhân vật, kết cấu trần thuật, thể hiện quan niệm tác giả ở nhu cầu đảm bảo tính dân chủ trong tự sự. Không chỉ đối thoại với lịch sử, khi hư cấu các dạng lời văn trần thuật, tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại còn chú ý làm đa dạng hóa các dạng lời văn, làm mới hình thức kể chuyện, gia tăng trường nhìn, đề cao tính đối thoại của tác phẩm.

Khởi điểm của nghệ thuật hư cấu lời

gián tiếp trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại là nghệ thuật hư cấu là lời kể, tả, lời trần thuật của người kể chuyện ẩn danh (ngôi ba) hoặc xưng “tôi” và sau là lời nửa trực tiếp mang giọng điệu của chính nhân vật trong câu chuyện kể. Trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại, ứng với người kể chuyện ngôi ba hoặc ngôi thứ nhất xưng “tôi”, nghệ thuật hư cấu lời gián tiếp một giọng thể hiện cụ thể dưới hình thức lời kể, lời tả nhằm mục đích thuật, tả, khắc họa tính cách nhân vật một cách chân thực, rõ nét. Song hành cùng nghệ thuật hư cấu lời gián tiếp một giọng, việc sử dụng thuần thực nghệ thuật hư cấu lời gián tiếp hai giọng/lời nửa trực tiếp là một thành công của tập thể tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại. Sử dụng ở tần suất cao dạng lời văn nửa trực tiếp, tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại đã tạo nên tính song điệu cho tác phẩm, thực hiện thành công sự dung hợp giữa lời/giọng của người kể chuyện ngôi ba với lời/giọng của nhân vật được kể đến trong câu chuyện kể. Sự kết hợp linh hoạt ấy trực tiếp tạo nên tính đa thanh phức điệu cho tiểu thuyết hiện đại và hậu hiện đại, khắc phục tính đơn âm một bè trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam giai đoạn trước. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá (chủ biên). 2004. *Từ điển văn học bộ mới*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
2. Hoàng Quốc Hải. 2011. *Bảo táp cung đình*. Hà Nội: Nxb. Phụ nữ.

3. Hoàng Quốc Hải. 2011. *Huyền Trân công chúa*. Hà Nội: Nxb. Phụ nữ.
4. Hoàng Quốc Hải. 2011. *Thăng Long nổi giận*. Hà Nội: Nxb. Phụ nữ.
5. Lại Nguyên Ân. 2004. *150 thuật ngữ văn học*. Hà Nội: Nx. Đại học Quốc gia.
6. Ngô Thị Quỳnh Nga. 2010. *Sự đan cài các lớp ngôn ngữ trong tiểu thuyết lịch sử sau 1975*. <http://ngnnnghc.wordpress.com>, truy cập ngày 2/3/2019.
7. Nguyễn Đăng Điệp (chủ biên). 2012. *Lịch sử và văn hóa – Cái nhìn nghệ thuật Nguyễn Xuân Khánh*. Hà Nội: Nxb. Phụ nữ.
8. Nguyễn Mộng Giác. 2003. *Sống Côn mùa lũ*, tập 2. Hà Nội: Nxb. Văn học, Trung Tâm nghiên cứu Quốc học.
9. Nguyễn Quang Thân. 2011. *Hội thể*. Hà Nội: Nxb. Phụ nữ.
10. Nguyễn Xuân Khánh. 2010. *Hồ Quý Ly*. Hà Nội: Nxb. Phụ nữ,.
11. Phương Lưu (chủ biên), Trần Đình Sử, Nguyễn Xuân Nam, Lê Ngọc Trà, La Khắc Hòa, Thành Thế Thái Bình. 2002. *Lý luận văn học*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.